

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 379/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Trà M**, sinh năm 2006. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau**. Căn cước số 096306009165, cấp ngày 13/8/2021.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành H**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau**. Căn cước công dân số 096094005008, cấp ngày 14/8/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Trà M** và anh **Nguyễn Thành H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Lê Trà M** và anh **Nguyễn Thành H** thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận kết hôn số: 63/2024 tại **UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau**).

- Về con chung: Giao **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 01/12/2024 cho chị **Lê Trà M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi **Nguyễn Bảo N** mức 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ

ngày 01/12/2025 cho đến khi **Bảo N** tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày chị **M** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng anh **H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Chị **Lê Trà M** có nghĩa vụ giao lại cho anh **Nguyễn Thành H** 05 (năm) chỉ vàng 24k.

- Về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Lê Trà M** và anh **Nguyễn Thành H** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đổi trừ số tiền 300.000 đồng chị **M** đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005882 ngày 12/5/2026 của **Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Cà Mau**, chị **M** được nhận lại số tiền là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Án phí phân chia tài sản: Anh **Nguyễn Thành H** phải chịu 1.682.500 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng). Đổi trừ số tiền phải chịu vào số tiền đã nộp tạm ứng 1.795.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007546 ngày 09/6/2026 của **Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Cà Mau** thì anh **H** được nhận lại 112.500 đồng.

+ Án phí cấp dưỡng: Anh **Nguyễn Thành H** phải chịu 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn